

Số: **2487**/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **07** tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hợp phần Bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư, Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 23/5/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 15/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-BNN-XD ngày 26/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 1656/QĐ-BNN-KH ngày 03/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư xây dựng công trình Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt phương án trồng rừng thay thế chuyển mục đích sử dụng rừng sang thực hiện Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ văn bản số 1444/XD-TĐ ngày 22/11/2018 của Cục quản lý xây dựng công trình - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện

Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điểm tái định cư xóm Đá Mới, tại khu Đồng Xe, thuộc xóm Đá, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn (đầu tư xây dựng giai đoạn I), Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điểm tái định cư xóm Đá Mới, tại khu Đồng Xe, thuộc xóm Đá, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn (đầu tư xây dựng giai đoạn I), Hợp phần: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Dự án: Hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Văn bản số 7129/BNN-XD ngày 26/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc nội dung dự án đầu tư xây dựng tái định cư giai đoạn II thuộc Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình” tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3185/TTr-SXD ngày 23 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình với những nội dung sau:

- 1. Tên hợp phần:** Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- 2. Thuộc dự án đầu tư:** Hồ chứa nước Cánh Tạng, tỉnh Hòa Bình.
- 3. Nhóm dự án, Loại, cấp, quy mô công trình:** Nhóm A, Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- 4. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn.
- 5. Nhà thầu lập dự án:** Liên danh Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại Học Thủy Lợi.
- 6. Nội dung, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và quy mô đầu tư**
 - 6.1. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng**
 - QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TT 03/2016/TT-BXD; Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT Quy chuẩn quốc gia thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi (tham khảo);

- TCXDVN 4054:2005 - Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN-10380-2014 - Đường GTNT - Yêu cầu thiết kế;

- Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”.

- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN390-2007: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép. Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- 3230/QĐ-BGTVT Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng.

- TCXDVN 33-2006: Cấp nước - mạng lưới đường ống công trình.

- TCXDVN 04-05:2012 Công trình thủy lợi các quy định chủ yếu về thiết kế.

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành khác liên quan.

6.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Các tuyến đường giao thông:

* Tuyến đường tránh ngập: Thiết kế 02 tuyến đường giao thông tránh ngập đi qua các điểm tái định cư và kết nối với đường giao thông liên xã hiện có.

* Tuyến Yên Phú - Bình Hẻm: Đường cấp V miền núi, tổng chiều dài khoảng 7.600 m. Có quy mô thiết kế như sau:

- Vận tốc thiết kế: 30 km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n=6,5$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5$ m.

- Bề rộng lề đường: $B_L=1,5*2=3,0$ m, gia cố lề $1,0*2=2,0$ m.

- Bề rộng đáy rãnh thoát nước: $B_r=0,4$ m.

- Dốc ngang mặt đường: $I_m=2$ %.

- Dốc ngang lề đường: $I_L=4$ %.

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=30$ m (châm trước tại các vị trí có địa hình khó khăn là 15 m).

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=10$ %.

- Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{min}=0$ %.

- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường gồm có các lớp từ trên xuống: Mặt

đường bề rộng $B_m=3,5m$, bằng bê tông mác 300 đá 1x2 dày 20 và gia cố lề đường mỗi bên rộng 1,0m bằng tông đá 1x2 dày 20cm; cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25mm$) dày 18cm đầm chặt $K\geq 0,98$, lớp đất đắp cấp 3 đầm chặt $K\geq 0,98$ dày 50cm và nền tự nhiên đầm chặt $K\geq 0,95$.

- Các công trình trên tuyến khác.

- Hệ thống cọc tiêu biển báo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

* Tuyến Văn Nghĩa - Lạc Sỹ dài khoảng 10.500m, thiết kế theo tiêu chuẩn cấp VI miền núi. Có quy mô thiết kế như sau:

- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n=6,0m$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5m$.

- Bề rộng lề đường: $B_L=1,25*2=2,5m$.

- Bề rộng đáy rãnh thoát nước: $B_r=0,4 m$.

- Dốc ngang mặt đường: $I_m=2\%$.

- Dốc ngang lề đường: $I_L=4\%$.

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=15,0m$.

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 11\%$ (châm trước tại các vị trí địa hình khó khăn là 12%).

- Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{min}= 0\%$.

- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường gồm có các lớp từ trên xuống: Mặt đường bề rộng $B_m = 3,5m$, bằng bê tông mác 300 đá 1x2 dày 20cm, lề đường bằng đất; cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25mm$) dày 18cm đầm chặt $K\geq 0,98$, lớp đất đắp cấp 3 đầm chặt $K\geq 0,98$ dày 50cm và nền tự nhiên đầm chặt $K\geq 0,95$.

- Xây dựng 01 cầu bê tông cốt thép dự ứng lực (chiều dài khoảng 45,00m, chiều rộng 8,0m, trong đó phân lưu thông cơ giới 6,0m, phần lan can và dành cho đi bộ mỗi bên 1,0m. Mô cầu và trụ cầu xử lý nền bằng hệ cọc).

- Các công trình trên tuyến khác.

- Hệ thống cọc tiêu biển báo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

* Tuyến đường kết nối với tuyến đường tránh ngập: Xây dựng tuyến đường dẫn kết nối điểm tái định cư, thiết kế theo tiêu chuẩn cấp A. Có quy mô thiết kế như sau:

- Tổng chiều dài khoảng: 3.000 m.

- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n=6,0 m$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5 m$.

- Bề rộng lề đường: $B_L=1,25*2=2,5 m$.

- Dốc ngang mặt đường: $I_m=2 \%$.

- Dốc ngang lề đường: $I_L=4 \%$.

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=30m$ (châm trước tại các vị trí địa hình khó khăn $R_{min}= 15m$).

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 11\%$ (châm trước tại các vị trí địa hình khó khăn là 12%).

- Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\min} = 0\%$.

- Bề rộng đáy rãnh thoát nước (Rãnh dọc): $B_r = 0,4 \text{ m}$.

- Bề rộng đáy rãnh thoát nước (Rãnh cơ): $B_r = 0,4 \text{ m}$.

- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường gồm có các lớp từ trên xuống: Mặt đường bề rộng $B_m = 3,5 \text{ m}$, bằng bê tông mác 300 đá 1x2 dày 18cm, lề đường bằng đất; cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max} = 25 \text{ mm}$) dày 16cm đầm chặt $K \geq 0,98$, nền tự nhiên đầm chặt $K \geq 0,95$.

- Các công trình trên tuyến khác.

- Hệ thống cọc tiêu biển báo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

* Đường nội bộ điểm tái định cư: Xây dựng các tuyến đường giao thông trong nội khu tái định cư, loại đường giao thông nông thôn loại B. Có quy mô thiết kế như sau:

- Tổng chiều dài khoảng 7.000 m.

- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 5,0 \text{ m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5 \text{ m}$.

- Bề rộng lề đường: $B_L = 0,75 \times 2 = 1,5 \text{ m}$ (gia cố lề tương đương kết cấu mặt đường).

- Bề rộng đáy rãnh thoát nước: $B_r = 0,3 - 0,4 \text{ m}$.

- Dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%$.

- Dốc ngang lề đường: $I_L = 4\%$.

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 15 \text{ m}$.

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 13\%$.

- Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\min} = 0\%$.

- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường gồm có các lớp từ trên xuống: Mặt đường bề rộng 3,5m, bằng bê tông mác 300 đá 1x2 dày 18cm và gia cố lề bằng bê tông rộng mỗi bên 0,75m, cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max} = 25 \text{ mm}$) dày 16cm đầm chặt $K \geq 0,98$, nền tự nhiên đầm chặt $K \geq 0,95$.

* Đường ra khu nghĩa địa, khu xử lý chất thải và đường ra bến đò. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại C. Có quy mô thiết kế như sau:

- Tổng chiều dài khoảng 9.600m

- Vận tốc thiết kế: 15km/h.

- Bề rộng nền đường hoàn thiện: $B_n = 3,5 \text{ m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 2,5 \text{ m}$.

- Bề rộng lề đường: $B_L = 0,5 \times 2 = 1,0 \text{ m}$.

- Dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%$.

- Dốc ngang lề đường: $I_L = 4\%$.

- Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 10 \text{ m}$.

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max} = 15,0$.
- Độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\min} = 0,0 \%$.
- Bề rộng đáy rãnh thoát nước mặt cắt hình thang: $B_r = 0,4\text{m}$.
- Kết cấu áo đường: Kết cấu áo đường gồm có các lớp từ trên xuống: Mặt đường bề rộng $B_m = 2,5\text{m}$, bằng bê tông mác 300 đá 1x2 dày 18cm, lề đường bằng đất; cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{\max} = 25\text{mm}$) dày 16cm đầm chặt $K \geq 0,98$ và nền đất đầm chặt $K \geq 0,95$.

b) Thiết kế xây dựng các điểm tái định cư:

* Xây dựng 08 điểm tái định cư Xóm Đá Mới, Xóm Nhụn thuộc xã Yên Phú; xóm Rộc, xóm Khi 1 và Khi 2, xóm Cuốc 2 thuộc xã Bình Hẻm; xóm Sào 1, xóm Sào 2, xóm Kén thuộc xã Văn Nghĩa. Các khu tái định cư thiết kế đồng bộ hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình văn hóa công cộng và các khu vực sản xuất nông nghiệp. Với các thiết kế chính như sau:

* San nền tạo mặt bằng: San nền tạo mặt bằng điểm tái định cư.

* Rãnh thoát nước: Rãnh thoát nước dọc tuyến đường giao thông, kết cấu hình chữ nhật, kích thước $B = 30\text{-}60\text{cm}$, đáy rãnh bằng bê tông mác 150 đá 1x2. Thành rãnh xây gạch chỉ đặc dày 22cm, vữa xi măng mác 75. Các vị trí rãnh cắt qua đường thiết kế xây dựng hố ga ở hai đầu (thiết kế tấm đan bê tông cốt thép).

* Nhà văn hóa, nhà vệ sinh, khu thể thao:

- Nhà Văn hóa kết cấu móng băng, khung cột chịu lực bằng BTCT mác 200, tường gạch xây vữa XM mác 75 dày 22cm.

- Xây dựng nhà vệ sinh kết cấu móng băng tường chịu lực bằng gạch xây vữa XM mác 75 dày 22cm.

- Khu vực sân thể thao và cảnh quan kết hợp cổng và tường rào bao quanh khuôn viên.

* Trường mầm non: Trường mầm non được thiết kế nhà 1 tầng, kết cấu móng băng, khung cột chịu lực bằng BTCT mác 200 đá 1x2, tường gạch xây vữa XM mác 75 dày 22cm.

* Cấp điện:

- Phần đường dây trung thế: Xây dựng mới tuyến đường dây trên không dài khoảng 1.500m.

- Phần trạm biến áp:

+ Xây dựng 01 trạm biến áp 100KVA - 35(22)/0,4 kV xây dựng tại điểm tái định cư xóm Cuốc xã Bình Hẻm;

+ Xây dựng 03 trạm biến áp 160KVA - 35(22)/0,4 kV tại các điểm tái định cư: Xóm Đá Mới xã Yên Phú, xóm Rộc xã Bình Hẻm, xóm Sào 2 xã Văn Nghĩa;

+ Xây dựng 02 trạm biến áp 200KVA - 35(22)/0,4 kV tại các điểm tái định cư: Xóm Khi 1 và Khi 2 xã Bình Hẻm, xóm Sào 1 xã Văn Nghĩa;

+ Xây dựng 01 trạm biến áp 320KVA - 35(22)/0,4 kV tại điểm tái định cư xóm Nhụn xã Yên Phú;

+ Xây dựng 01 trạm biến áp 400KVA - 35(22)/0,4 kV tại điểm tái định cư

xóm Kén xã Văn Nghĩa.

- Phần đường dây hạ thế: Xây dựng mới tuyến đường dây 0,4kV cấp điện tới các hộ dùng điện dài khoảng 8.819 (m).

* Cấp nước:

- Mỗi điểm tái định cư xây dựng bãi dâng nước; hệ thống đường ống dẫn nước thô dẫn về khu xử lý; bể tập trung; hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt dẫn nước từ sau bể chứa cấp nước đến từng hộ dân.

- Đầu tư máy bơm nước dự phòng (để bơm nước vào mùa khô).

* Thoát nước thải: Nước thải từ các hộ dân sau khi đã được các hộ dân xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại gia đình thì được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn về xử lý tại bể tập trung của điểm tái định cư trước khi xả ra ngoài môi trường để đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Công trình hạ tầng khác: Bố trí mặt bằng khu tâm linh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Yên Phú, Bình Hẻm và Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

8. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo quy định hiện hành.

9. Tổng mức đầu tư (tiểu dự án số 01 và 02) **duyet là: 1.059.320.000.000 đồng** (Một nghìn không trăm năm mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng); gồm:

a) Tiểu dự án số 01: Xây dựng điểm tái định cư xóm Đá Mới, tại khu Đồng Xe (giai đoạn I) đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 có giá trị dự toán là: 14.986.259.000 đồng;

b) Tiểu dự án số 02: Bao gồm đầu tư xây dựng 07 điểm tái định cư mới và hoàn thành xây dựng giai đoạn II điểm tái định cư xóm Đá Mới, tại khu Đồng Xe và Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có giá trị khái toán là: 1.044.333.741.000 đồng.

Trong đó:

Nội dung các chi phí	Tiểu dự án 01	Tiểu dự án 02	Tổng cộng
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	-	620.826.199.000 đ	620.826.199.000 đ
- Chi phí xây dựng	12.812.081.898 đ	323.166.468.466 đ	335.978.550.364 đ
- Chi phí thiết bị	228.449.525 đ	1.632.786.449 đ	1.861.235.974 đ
- Chi phí quản lý dự án	347.564.746 đ	4.831.799.381 đ	5.179.364.127 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	980.517.739 đ	47.236.647.673 đ	48.217.165.412 đ
- Chi phí khác	411.424.762 đ	20.485.261.037 đ	20.896.685.799 đ
- Chi phí dự phòng	206.220.000 đ	26.154.578.616 đ	26.360.798.616 đ

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

11. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

12. Thời gian thực hiện: Từ năm 2017-2022.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lạc Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Quản lý XDCT-Bộ NN&PTNT;
- Kho bạc NN Hoà Bình;
- Chánh phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (BD13).



Nguyễn Văn Dũng